SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
**TRƯỜNG THPT ĐẮK MIL**

Số: 616 /QĐ-THPT ĐM

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

*Đức Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách 9 tháng năm 2026 của Trường THPT Đắk Mil**

*Căn cứ Nghị định số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.*

*Xét đề nghị của của bộ phận kế toán nhà trường,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 9 tháng năm 2026 của Trường THPT Đắk Mil (*Kèm theo mẫu biểu số 75 đính kèm*).

**Điều 2.** Thời gian, hình thức, địa điểm, hiệu lực quyết định công bố công khai:

- Niêm yết tại bảng tin nhà trường: 90 ngày kể từ ngày ký quyết định này.
- Tại website của Trường THPT Đăk Mil

**Điều 3.** Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận**:
- Như điều 3;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐẮK MIL

**Trần Công Nhị**

Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Đắk Mil
Chương: 422

**Mẫu biểu số 75**

# CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH (09 THÁNG)

**Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường Trung học phổ thông Đắk Mil công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026 như sau:

*Đơn vị tính: Đồng*

| Số TT | Nội dung | Dự toán năm | Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **A** | **Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí** | | | | |
| **I** | **Số thu phí, lệ phí** | | | | |
| **1** | **Lệ phí** | | | | |
| **2** | **Phí** | | | | |
| **II** | **Chi từ nguồn thu phí được để lại** | | | | |
| **1** | **Chi sự nghiệp** | | | | |
| a | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | 60.806.919 | | |
| b | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | | | | |
| **2** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| a | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| b | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| **III** | **Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước** | | | | |
| **1** | **Lệ phí** | | | | |
| **2** | **Phí** | | | | |
| **B** | **Dự toán chi ngân sách nhà nước** | | **15.422.014.979** | | |
| **I** | **Nguồn ngân sách trong nước** | | **15.422.014.979** | | |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| 1.1 | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| 1.2 | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** | | | | |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ | | | | |
| | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ* | | | | |
| | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ* | | | | |
| 2.2 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |

ị: Trường Trung học phổ thông Đắk Mil

ơng: 422

| Số TT | Nội dung | Dự toán năm | Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 2.3 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | | | | |
| | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo* | | | | |
| | *- Nhiệm vụ chuyển đổi số* | | | | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo** | | **15.422.014.979** | | |
| 3.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | 14.637.266.979 | | |
| 3.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | | 784.748.000 | | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | | | | |
| 4.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 4.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | | | | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | | | | |
| 5.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 5.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | | | | |
| **6** | **Chi hoạt động kinh tế** | | | | |
| 6.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 6.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | | | | |
| **7** | **Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường** | | | | |
| 7.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 7.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | | | | |
| **8** | **Chi sự nghiệp văn hóa thông tin** | | | | |
| 8.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 8.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | | | | |
| **9** | **Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn** | | | | |
| 9.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 9.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | | | | |
| **10** | **Chi sự nghiệp thể dục thể thao** | | | | |
| 10.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| 10.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | | | | |
| **II** | **Nguồn vốn viện trợ** | | | | |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** | | | | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề** | | | | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | | | | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | | | | |
| **6** | **Chi hoạt động kinh tế** | | | | |
| **7** | **Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường** | | | | |
| **8** | **Chi sự nghiệp văn hóa thông tin** | | | | |
| **9** | **Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn** | | | | |

ị: Trường Trung học phổ thông Đắk Mil

ơng: 422

| Số TT | Nội dung | Dự toán năm | Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **10** | **Chi sự nghiệp thể dục thể thao** | | | | |
| **III** | **Nguồn vay nợ nước ngoài** | | | | |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** | | | | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề** | | | | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | | | | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | | | | |
| **6** | **Chi hoạt động kinh tế** | | | | |
| **7** | **Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường** | | | | |
| **8** | **Chi sự nghiệp văn hóa thông tin** | | | | |
| **9** | **Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn** | | | | |
| **10** | **Chi sự nghiệp thể dục thể thao** | | | | |

*Ngày 20 tháng 10 năm 2016*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Chữ ký, dấu)*

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐẮK MIL

**Trần Công Nhị**